

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thông qua đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia,  
tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị; Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Theo đề nghị của UBND huyện Tĩnh Gia tại Công văn số 1930/UBND-KTHT ngày 04/12/2015; Sở Xây dựng tại Công văn số 6420/SXD-BQH ngày 02/12/2015, UBND tỉnh Thanh Hóa trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III, với nội dung chính như sau:

**1. Sự cần thiết công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.**

- Trên địa bàn huyện Tĩnh Gia có Khu kinh tế Nghi Sơn là một trong các Khu Kinh tế trọng điểm ven biển được Chính phủ lựa chọn để tập trung đầu tư. Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn số 102/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2006, Khu kinh tế Nghi Sơn đóng vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hoá và cả nước.

- Chính phủ đã xác định mục tiêu xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản như: Công nghiệp lọc hoá dầu, công nghiệp luyện cán thép cao cấp, cơ khí chế tạo, sửa chữa và đóng mới tàu biển,

công nghiệp điện, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến xuất khẩu và phát triển đô thị... Gắn với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn, các sản phẩm mũi nhọn dần hình thành, có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao. Các loại hình dịch vụ cao cấp đầy mạnh xuất khẩu mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới.

Cùng với thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn, KKT Nghi Sơn được xác định là 1 trong 4 động lực phát triển lớn của tỉnh Thanh Hóa. Huyện Tĩnh Gia (có KKT Nghi Sơn) được đánh giá là trọng điểm phát triển phía Nam của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, đồng thời là cầu nối giữa vùng Bắc Bộ với Trung Bộ, với thị trường Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan và khu vực lân cận.

- Xây dựng thành công huyện Tĩnh Gia không chỉ là động lực phát triển chính của vùng Nam Thanh – Bắc Nghệ mà còn biến vùng này thành hạt nhân của các vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước, là động lực quyết định bước nhảy vọt về kinh tế của tỉnh Thanh Hoá. Với tiềm năng thế mạnh sẵn có, với sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh và sự quyết tâm của những cán bộ có trình độ và tâm huyết, chắc chắn Nghi Sơn sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn và tin tưởng của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Do đó, việc lập Hồ sơ đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân huyện Tĩnh Gia nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung. Đề án cũng khẳng định một chủ trương đúng đắn của Đảng và Chính phủ, sự công nhận của xã hội đối với công sức của toàn huyện Tĩnh Gia; Đề án tạo cho huyện Tĩnh Gia thế và lực mới trong xu thế hội nhập, là tiền đề và điều kiện thuận lợi để huyện Tĩnh Gia tiếp tục được đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tương xứng với tầm vóc đô thị loại III.

Với những lý do trên, việc công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III là cần thiết.

## **2. Đánh giá các tiêu chuẩn về phân loại đô thị:**

Theo 6 tiêu chuẩn phân loại đô thị quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị và Thông tư hướng dẫn số 34/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi

hành Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ; số liệu thống kê theo các chuyên ngành do các cơ quan chuyên môn cung cấp, kết quả như sau:

- Chức năng đô thị: đạt 14,42 điểm/15,0 điểm tối đa;
- Quy mô dân số: đạt 8,8 điểm/10,0 điểm tối đa;
- Mật độ dân số: đạt 0,0 điểm/5,0 điểm tối đa;
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: đạt 3,98 điểm/5,0 điểm tối đa;
- Hệ thống công trình hạ tầng đô thị: đạt 43,11 điểm/55 điểm tối đa;
- Kiến trúc, cảnh quan đô thị: đạt 7,5 điểm/10,0 điểm tối đa.

*(Có phụ lục bảng tổng hợp điểm chi tiết gửi kèm theo)*

Theo 6 tiêu chuẩn đánh giá, tổng số điểm của huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt 77,81 điểm/100 điểm tối đa. Đối chiếu với các quy định của Chính phủ về phân loại đô thị, huyện Tĩnh Gia đủ điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại III *(theo quy định đạt từ 70 điểm đến 100 điểm sẽ được xem xét công nhận)*.

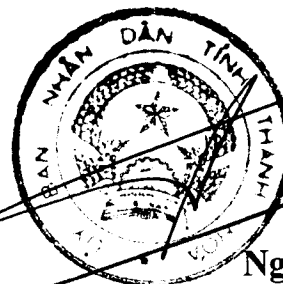
*(Có đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III gửi kèm).*

Trên đây là nội dung đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Các ban của HĐND tỉnh;
  - Các đại biểu HĐND tỉnh;
  - Văn phòng UBND tỉnh;
  - Lưu:VT, CN.
- Nghi Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại III

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ngô Văn Tuấn**

Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.



**Phụ lục: BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM**

**BAN NGHỊ CÔNG NHẬN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI III THEO THÔNG TƯ 34 HƯỚNG DẪN NGHỊ ĐỊNH 42 CỦA CHÍNH PHỦ.**

Phụ lục kèm theo Tờ trình số : **137** /TTr-UBND ngày **07/12/2015** của UBND tỉnh

- Huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa bao gồm 33 xã và 1 thị trấn.  
Tổng diện tích toàn huyện: 45.828,1 ha. Tổng dân số : 301.460 người (gồm dân số thường trú và tạm trú quy đổi).
- Khu vực nội thị (9 xã và 1 Thị trấn) gồm: ĐT trung tâm KKT Nghi Sơn (2 xã); Đô thị Hải Bình (Đô thị số 3) và KV trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia (6 xã, 1 thị trấn).  
Diện tích KV nội thị : 10.855,46 ha (23,69%). Dân số khu vực nội thị: 120.931 người (gồm dân số thường trú và tạm trú quy đổi).

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		Ghi chú
		Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm	
<b>I</b>	<b>Chức năng đô thị</b>		<b>15-10,4</b>		<b>14,42</b>	
1.1	<b>Vị trí và phạm vi ảnh hưởng</b>		5-3,5		5,00	
1.1.1	* Là đô thị trực thuộc tỉnh, trung tâm chuyên ngành cấp vùng, trung tâm tổng hợp cấp tỉnh; hoặc đô thị trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương. * Là đô thị trực thuộc tỉnh, trung tâm tổng hợp cấp tỉnh.		5 3,5		5,00	Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ.
1.2	<b>Kinh tế xã hội</b>		<b>10-6,9</b>		<b>9,42</b>	
1.2.1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (tỷ đồng/năm)	≥ 120 84	2 1,4	3085.20	2,00	Thu ngân sách năm 2014: KKT Nghi Sơn đạt 2.116 tỷ đồng và huyện Tĩnh Gia đạt 969,2 tỷ đồng.
1.2.2	Cân đối thu chi ngân sách	Dư Đủ	1,5 1	Dư	1,50	So sánh tổng thu ngân sách với tổng chi ngân sách. Cân đối thu chi ngân sách : Cân đối dư
1.2.3	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	≥ 1,5 1,05	2 1,4	1,07	1,42	Thu nhập 44,2 triệu so với cả nước 41,5 triệu. Như vậy bằng 1,07 lần so với cả nước
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	≥ 6 5,5	2 1,4	32,1	2,00	Tăng trưởng kinh tế 2012: 29,8%; năm 2013: 30,5%; năm 2014: 36%. Trung bình đạt: 32,1%
1.2.5	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	≤ 12 17	1,5 1	9,56	1,50	Số hộ nghèo 2014 trong khu vực nội thị là 2.003 hộ, Tổng số hộ KV nội thị năm 2014 là 20.950 hộ. Như vậy tỷ lệ hộ nghèo: 9,56%
1.2.6	Mức tăng dân số hàng năm (%)	≥ 1,6 1,4	1 0,7	3,10	1,00	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm ( năm 2014) là : 3,10% . Trong đó, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,78%.
<b>II</b>	<b>Quy mô dân số toàn đô thị</b>		<b>10-7,0</b>		<b>8,80</b>	
2.1	Dân số toàn đô thị (1000 người)	300 150	2 1,4	301.460	2,00	Bảng tổng dân số thường trú là 254.548 người và dân số tạm trú sau khi quy đổi là 46.912 người.
2.2	Dân số nội thị (1000 người)	120 60	4 2,8	120.931	4,00	Dân số khu vực nội thị là 120.931 người, gồm ds thường trú 93.693 và ds tạm trú quy đổi 27.238 người. KV nội thị gồm: (Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình) + (TT Tĩnh Gia, Bình Minh, Hải Thanh, Hải Hòa, Nguyên Bình, Hải Nhân, Ninh Hải)

**Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		Ghi chú
		Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạ- t.thiểu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm	
2.3	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	70 40	4 2.8	40.12	2.80	Tỷ lệ đô thị hoá của Đô thị được tính bằng tổng dân số khu vực nội thị so với dân số toàn đô thị.
<b>III</b>	<b>Mật độ dân số</b>		<b>5-3,5</b>		<b>0,00</b>	
3.1	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )	≥ 8000 6000	5 3.5	5981.0	0.00	Mật độ dân số phản ánh mức độ nội thị của đô thị, được đánh giá bằng dân số khu vực nội thị so với diện tích đất xây dựng đô thị (không bao gồm các diện tích đất tự nhiên và đất cắm xây dựng) trong khu vực nội thị. Là 120.931 người /20,22 km <sup>2</sup> = 5.981 người/km <sup>2</sup> .
<b>IV</b>	<b>Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp</b>		<b>5-3,5</b>		<b>3,98</b>	
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	≥ 80 75	5 3.5	76.62	3.98	Bảng số lao động phi nông nghiệp so với lao động làm việc ở các ngành kinh tế khu vực nội thị = 76,62%
<b>V</b>	<b>Hệ thống công trình hạ tầng đô thị</b>		<b>55-38,2</b>		<b>43,11</b>	
5.1	<b>Nhà ở</b>		<b>10-7,0</b>		<b>9,27</b>	
5.1.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân (m <sup>2</sup> sàn/ người)	≥ 15 12	5 3.5	16.16	5.00	Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực nội thị là 16,16 (m <sup>2</sup> sàn/người)
5.1.2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố (%)	≥ 70 60	5 3.5	65.11	4.27	Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị là 65,11 %
5.2	<b>Công trình công cộng cấp đô thị Khu vực Nội thị</b>		<b>10-6,8</b>		<b>7,97</b>	
5.2.1	Đất xây dựng CTCC cấp khu ở (m <sup>2</sup> /người)	≥ 1.5 1.0	1.5 1	1.52	1.50	Bảng diện tích đất công trình công cộng cấp khu ở là 183.829 m <sup>2</sup> /dân số khu vực nội thị đã tính quy đổi là 120.931 người.
5.2.2	Chỉ tiêu đất dân dụng (m <sup>2</sup> /người)	≥ 78 61	1.5 1	145.12	1.50	Bảng diện tích đất dân dụng là 17.549.159 m <sup>2</sup> / dân số khu vực nội thị đã tính quy đổi là 120.931 người
5.2.3	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m <sup>2</sup> /người)	≥ 4 3	1.5 1	3.14	1.07	Bảng đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị là 379.430,0 m <sup>2</sup> /dân số khu vực nội thị đã quy đổi là: 120.931 người.
5.2.4	Cơ sở y tế (TT y tế chuyên sâu; bệnh viện đa khoa - chuyên khoa cấp) (giường/1000 dân)	≥ 2 1.5	1.5 1	2.65	1.50	Bảng Tổng số giường bệnh khu vực nội thị là 320 giường (Bệnh viện đa khoa 250 giường; các trạm y tế 50 giường; các phòng khám tư nhân 20 giường) / dân số khu vực nội thị đã tính quy đổi là 120.931 người.
5.2.5	Cơ sở giáo dục, đào tạo (Đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề) (cơ sở)	≥ 10 4	1 0.7	2.00	0.00	Trên địa bàn có 02 cơ sở giáo dục đào tạo (Cao đẳng nghề Licogi và trường dạy nghề của huyện)
5.2.6	Trung tâm văn hoá (Nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hoá) (công trình)	≥ 6 4	1 0.7	7.00	1.00	Trên địa bàn có 7 công trình (nhà văn hóa xã, thị trấn; Trung tâm hội nghị huyện)
5.2.7	Trung tâm TDTT (sân vận động, nhà thi đấu, Câu lạc bộ) (công trình)	≥ 5 3	1 0.7	3.00	0.70	Về thể dục thể thao, trong khu vực nội thị có 03 sân vận động
5.2.8	Trung tâm Thương mại - dịch vụ (chợ, siêu thị, cửa hàng bách hóa) (Công trình)	≥ 7 4	1 0.7	4.00	0.70	Trên địa bàn có 2 công trình chợ trung tâm, 01 khu dịch vụ thương mại, 1 siêu thị phục vụ cấp đô thị.

**Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		Ghi chú
		Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt-t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm	
5.3	<b>Hệ thống giao thông</b>		<b>10-7,0</b>		<b>8.49</b>	
5.3.1	Đầu mối giao thông (Cảng hàng không, sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách) (Cấp)	Vùng Tỉnh	2 1.4	Vùng	2.00	Cảng, hệ thống giao thông đường thủy cấp vùng
5.3.2	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị (%)	≥ 19 13	2 1.4	15.72	1.67	Diện tích đất giao thông khu vực nội thị là 3.178.500 m <sup>2</sup> / Diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thị là 20.219.644 m <sup>2</sup>
5.3.3	Mật độ đường chính trong khu vực nội thị (km/km <sup>2</sup> )	≥ 10 7	2 1.4	7.09	1.42	Chiều dài đường chính (mặt cắt ngang ≥ 11,5m) 143,4 km / Diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thị là 20,22km <sup>2</sup> (=20.219.644 m <sup>2</sup> )
5.3.4	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%)	≥ 10 6	2 1.4	6.00	1.40	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng đạt: 6%.
5.3.5	Diện tích đất giao thông/ dân số nội thị (m <sup>2</sup> /người)	≥ 11 9	2 1.4	26.28	2.00	Diện tích đất giao thông khu vực nội thị là 3.178.500 m <sup>2</sup> / Dân số khu vực nội thị là 120.931 người
5.4	<b>Hệ thống cấp nước</b>		<b>5-3,4</b>		<b>3.16</b>	
5.4.1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị (lít/người/ngàyđêm)	≥ 110 100	2 1.4	104.4	1.66	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt = Lượng nước được thu phí KV nội thị là 12.620 m <sup>3</sup> / Dân số khu vực nội thị tính cả quy đổi là 120.931 người.
5.4.2	Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch (%)	≥ 75 65	1.5 1	60.90	0.00	Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch là 60,90%.
5.4.3	Tỷ lệ nước thất thoát (%)	≤ 25 30	1.5 1	22.79	1.50	Tổng lượng nước thất thoát năm 2014 là 1.257.573 m <sup>3</sup> / Tổng lượng nước sạch KV nội thị năm 2014 là 5.517.065 m <sup>3</sup> .
5.5	<b>Hệ thống thoát nước</b>		<b>6-4,2</b>		<b>5.01</b>	
5.5.1	Mật độ đường công thoát nước chính khu vực nội thị (km/km <sup>2</sup> )	≥ 4 3.5	2 1.4	3.51	1.41	Tổng chiều dài đường công thoát nước chính KV nội thị là 70,97 km/ Diện tích đất xây dựng đô thị 20,22 km <sup>2</sup>
5.5.2	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý (%)	≥ 50 35	2 1.4	40.00	1.60	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt 40%.
5.5.3	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải (%)	100 80	2 1.4	100.00	2.00	Hiện nay 100% các cơ sở sản xuất khi xin cấp phép đầu tư xây dựng mới tại địa bàn đều đảm bảo có biện pháp xử lý nước thải và tuân thủ các quy định về xử lý nước thải.
5.6	<b>Hệ thống cấp điện</b>		<b>4-2,8</b>		<b>2.21</b>	
5.6.1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thị (kw/ng/năm)	≥ 700 500	2 1.4	511.06	1.43	Tổng số điện năng tiêu thụ KV nội thị năm 2014 là 61.803.226 KWh / Tổng dân số bao gồm dân số quy đổi khu vực nội thị là 120.931 người.
5.6.2	Tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng (%)	100 95	1 0.7	60.65	0.00	Tổng chiều dài đường chính KV nội thị được chiếu sáng là 298,40km / Tổng chiều dài là 492km.
5.6.3	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng (%)	80 55	1 0.7	61.11	0.77	Tổng chiều dài đường phụ ngõ hẻm KV nội thị được chiếu sáng là 110km / Tổng chiều dài là 180km ( Nhà nước + nhân dân cùng làm)

**Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		Ghi chú
		Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt- t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm	
5.7	Hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông		2-1,4		2.00	
5.7.1	Số máy điện thoại bình quân/số dân (máy/100 dân)	14 8	2 1.4	48.18	2.00	Số thuê bao điện thoại bình quân/ số dân khu nội thị là 48,18 máy/100dân.
5.8	Cây xanh, thu gom xử lý chất thải và nhà tang lễ		8-5,6		5.00	
5.8.1	Đất cây xanh toàn đô thị (m <sup>2</sup> /người)	≥ 10 7	1 0.7	109.42	1.00	Đất cây xanh đô thị là 32.995.072 m <sup>2</sup> (gồm Cây xanh trong khu dân cư; 20% Diện tích đất công trình công cộng; 10% DT đường giao thông chính; Cây xanh trong các cơ sở sản xuất; 30% diện tích đồi núi) / Dân số toàn đô thị là 301.460 người
5.8.2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m <sup>2</sup> /người)	≥ 5 4	2 1.4	7.91	2.00	Tổng diện tích cây xanh công cộng khu vực nội thị là 956.400m <sup>2</sup> / Tổng dân số khu vực nội thị là 120.931m <sup>2</sup> .
5.8.3	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom (%)	≥ 90 80	2 1.4	67.46	0.00	Khối lượng chất thải rắn là 168.674,56 tấn / Khối lượng chất thải rắn được thu gom là 113.784,64 tấn. Hiện nay nhà máy xử lý rác thải đã hoạt động, tuy nhiên tỷ lệ thu gom còn thấp do chưa được đầu tư khâu thu gom
5.8.4	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt) (%)	≥ 80 70	2 1.4	90.00	2.00	Theo thống kê, khối lượng rác thải trong khu vực nội thị sau khi được thu gom được xử lý bằng công nghệ cao, chôn lấp hợp vệ sinh. Đạt tỷ lệ 90%
5.8.5	Số nhà tang lễ khu vực nội thị (nhà)	≥ 3 2	1 0.7	1.00	0.00	Số nhà tang lễ khu vực nội thị: Có 1 nhà tang lễ thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Tĩnh Gia
<b>VI</b>	<b>Kiến trúc, cảnh quan đô thị</b>		<b>10-7,0</b>		<b>7.50</b>	
6.1	Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị		2-1,4		1.40	
6.1.1	Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị	Đã có quy chế, thực hiện tốt theo quy chế  Đã có quy chế, thực hiện chưa đạt	2  1.4	Đã có quy chế, thực hiện chưa đạt	1.40	Đã có quy chế, thực hiện chưa đạt
6.2	Khu đô thị mới		2-1,4		2.00	
6.2.1	Khu đô thị mới (khu)	Có khu ĐTM đã xây dựng đồng bộ  ≥ 2	1  0.7	Có khu ĐTM đã xây dựng đồng bộ	1.00	Có khu ĐTM đã xây dựng đồng bộ
6.2.2	Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị (khu)	≥ 2 1	1 0.7	≥ 2	1.00	≥ 2

**Đề án đề nghị công nhân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		Ghi chú
		Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đạt- t.thiếu	Tiêu chuẩn đạt	Điểm	
6.3	<b>Tuyến phố văn minh đô thị</b>		2-1,4		1.40	
6.3.1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính khu vực nội thị (%)	≥ 40 20	2 1.4	20.00	1.40	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính khu vực nội thị là 20%.
6.4	<b>Không gian công cộng</b>		2-1,4		1.70	
6.4.1	Số lượng không gian công cộng cấp đô thị (khu)	≥ 5 3	2 1.4	4.00	1.70	Số lượng không gian công cộng cấp đô thị (khu): 4 khu.
6.5	<b>Tổ hợp kiến trúc, công trình kiến trúc tiêu biểu</b>		2-1,4		1.00	
6.5.1	Có công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hoá lịch sử, công trình/ tổ hợp công trình di sản	Được CQNN có thẩm quyền. hội nghề nghiệp hoặc các tổ chức quốc tế công nhận đạt cấp Quốc tế/Quốc gia	1.0	Được CQNN có thẩm quyền. hội nghề nghiệp hoặc các tổ chức quốc tế công nhận đạt cấp Quốc tế/Quốc gia	1.00	Có các di tích lịch sử xếp hạng cấp Quốc gia là: Cụm di tích Lạch Bạng - Quang Trung; Đền thờ Đào Duy Từ; Lăng , đền thờ quận công Lê Đình Châu và các di tích lịch sử khác được xếp hạng cấp Tỉnh.
		Được CQNN có thẩm quyền. hội nghề nghiệp tại địa phương công nhận	0.7			
6.5.2	Tỷ lệ các di sản văn hoá lịch sử, kiến trúc cấp quốc gia được trùng tu, tôn tạo (%)	≥ 45 35	1.0 0.7	30.00	0.00	Tỷ lệ các DSVHLS tiêu biểu, kiến trúc cấp quốc gia được trùng tu, tôn tạo: 37%
<b>Tổng cộng theo bảng điểm</b>					<b>77.81</b>	



Số: /2015/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2015

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thông qua đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**  
**KHOÁ 16, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;  
Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;  
Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị; Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2015 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /HĐND-PC ngày / /2015 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và các ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh trình Bộ Xây dựng xem xét, tổ chức thẩm định và quyết định công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Thanh Hoá khoá ....., kỳ họp thứ ..... thông qua ngày tháng năm 2015./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP, VP Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**

## MỤC LỤC

<b>1. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI III.</b> .....	<b>2</b>
1.1. Các căn cứ pháp lý về phân loại đô thị.....	2
1.2. Các căn cứ pháp lý liên quan .....	2
1.3. Lý do và sự cần thiết.....	2
<b>2. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐÔ THỊ.</b> .....	<b>3</b>
2.1. Tổng quan về kinh tế, xã hội của Huyện Tỉnh Gia .....	3
2.1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế. ....	3
2.1.2. Tình hình phát triển xã hội.....	3
2.1.3. Quy mô đất đai.....	4
2.1.4. Quy mô dân số.....	4
2.2. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng của Huyện Tỉnh Gia.....	4
2.2.1. Về hạ tầng xã hội.....	4
2.2.2. Về hạ tầng kỹ thuật.....	5
2.3. Tình hình phát triển đô thị của Huyện Tỉnh Gia .....	6
2.3.1. Quy chế Quản lý Quy hoạch kiến trúc đô thị.....	6
2.3.2. Khu dân cư đô thị mới.....	6
2.3.3. Không gian công cộng đô thị. ....	7
2.3.4. Công trình kiến trúc tiêu biểu.....	7
2.3.5. Tuyến phố văn minh đô thị. ....	7
2.3.6. Đánh giá chung.....	7
2.3.7. Tồn tại cần khắc phục.....	7
<b>3. TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ HUYỆN TỈNH GIA .</b> .....	<b>7</b>
3.1. Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị (đạt 14,42/15 điểm).....	7
3.2. Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số toàn đô thị (Đạt 8,80/10 điểm) .....	8
3.3. Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số đô thị (Đạt 0/5 điểm).....	8
3.4. Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (Đạt 3,98/5 điểm).....	8
3.5. Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị (Đạt 43,11/55 điểm) .....	8
3.6. Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc, cảnh quan đô thị (Đạt 7,5/10 điểm). ....	10
<b>4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.</b> .....	<b>11</b>

## **1. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HUYỆN TỈNH GIA , TỈNH THANH HÓA ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI III.**

### **1.1. Các căn cứ pháp lý về phân loại đô thị.**

–Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị; Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị;

–Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020.

### **1.2. Các căn cứ pháp lý liên quan**

–Quyết định 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

–Quyết định 4320/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Tĩnh Gia;

–Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá;

– Quyết định số 18/2015/QĐ-TTg ngày 12/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo quyết định số 28/2010/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

–Quyết định 2502/QĐ-UBND ngày 08/07/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh bổ sung đề cương nhiệm vụ và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đề án: Đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

### **1.3. Lý do và sự cần thiết.**

Nói đến Khu kinh tế Nghi Sơn là chúng ta nói đến các mục tiêu Quốc gia, các mục tiêu của tỉnh.

Nói đến khu vực Tĩnh Gia là nói đến Quy hoạch vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ đã được Thủ Tướng chính phủ phê duyệt; Quy hoạch vùng huyện Tĩnh Gia do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và mục tiêu xuyên suốt là toàn huyện Tĩnh Gia sẽ là đô thị loại 1 trong tương lai.

Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh Thanh Hóa lần thứ 17, 18 có Nghị quyết về chương trình phát triển đô thị, phát triển kinh tế, phát triển hạ tầng kỹ thuật KKT Nghi Sơn.

Việc lập Đề án đề nghị công nhận Huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt Tiêu chuẩn đô thị loại IIIcăn cứ các yếu tố cơ bản sau đây:

- Thứ nhất là: huyện Tĩnh Gia có KKT Nghi Sơn (Mới đây nhất Thủ tướng CP đã có Quyết định số **18/2015/QĐ-TTg** mở rộng KKT Nghi Sơn ra

## Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa, đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

toàn huyện và 3 xã thuộc huyện Như Thanh, 3 xã thuộc huyện Nông Cống. Quy mô 106.000 ha - gấp gần 6 lần diện tích KKT cũ).

- Thứ 2 là: Tại đây có các dự án trọng điểm Quốc gia: Nhiệt điện; Lọc hóa dầu; xi măng; gang thép; cảng biển ...

- Thứ 3 là: Hạ tầng huyện Tĩnh Gia đã đáp ứng được với các tiêu chuẩn đô thị loại III. Có nhiều kịch bản cho Tĩnh Gia, KKT Nghi Sơn. Nhưng phù hợp nhất và dễ dàng nhận ra là: Thanh Hóa sẽ phải dựa vào Nghi Sơn; tương lai khu vực toàn huyện Tĩnh Gia phát triển như thế nào. Với tốc độ phát triển như hiện nay và tiến xa hơn nữa khi nhà máy lọc hóa dầu đi vào hoạt động sẽ đặt ra thách thức về quản lý KKT gồm các quản lý dự án, quản lý cấp phép, quản lý lao động, quản lý môi trường, quản lý An ninh quốc phòng, ...

- Thứ 4 là: Thực trạng huyện Tĩnh Gia hiện nay, chúng ta đang sử dụng chính quyền cấp huyện để quản lý đô thị. Do vậy cần sớm có bộ máy chính quyền quản lý phù hợp.

Do đó, việc lập Hồ sơ đề án đề nghị công nhận Huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt Tiêu chuẩn đô thị loại III là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân huyện Tĩnh Gia nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung.

## **2. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐÔ THỊ.**

### **2.1. Tổng quan về kinh tế, xã hội của Huyện Tĩnh Gia .**

#### **2.1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế.**

Tính đến cuối năm 2014, Huyện Tĩnh Gia đã thu hút được 135 dự án đầu tư, trong đó:

- Dự án trong nước là 124 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 96.891,4 tỷ đồng; tổng vốn thực hiện đến nay đạt 33.362 tỷ đồng; tổng diện tích đất sử dụng thực hiện dự án là: 2.597,08 ha.

- Dự án đầu tư nước ngoài là 10 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 12.162,4 triệu; tổng vốn thực hiện đến nay đạt 4.858 triệu USD; tổng diện tích đất sử dụng thực hiện dự án: 858,8 ha. Trong đó có 1 số dự án quan trọng, có vai trò động lực phát triển của tỉnh Thanh Hóa cũng như khu vực như: Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn, dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 1 và 2, dự án khu liên hợp gang thép Nghi Sơn...

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn đạt tăng trưởng khá, doanh thu năm 2014 đạt gần 25.000 tỷ đồng, tổng thu ngân sách nhà nước đạt hơn 3.000 tỷ đồng.

#### **2.1.2. Tình hình phát triển xã hội.**

##### **a. Cơ cấu lao động.**

Theo số liệu thống kê thì năm 2014 có 157.823 lao động.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt 64,25%.

##### **b. Tỷ lệ hộ nghèo.**

**Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa, đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.**

Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 18,01% năm 2012 xuống còn 15,21% năm 2013 và 12,19% năm 2014.

**2.1.3. Quy mô đất đai.**

Tổng diện tích đất tự nhiên của Huyện Tĩnh Gia là: 45.828,67 ha. Trong đó:

- Đất khu vực nội thị: 10.855,46 ha, chiếm 23,69% (Xác định trên cơ sở các quy hoạch được duyệt và khu vực phát triển kinh tế xã hội hiện trạng bao gồm thị trấn Tĩnh Gia và 9 xã: Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Nguyên Bình, Bình Minh, Hải Thanh, Hải Hòa, Ninh Hải, Hải Nhân).

- Đất khu vực ngoại thị: 34.973,21 ha, chiếm: 76,31% (bao gồm 24 xã còn lại của huyện Tĩnh Gia).

**2.1.4. Quy mô dân số.**

Tổng dân số trên địa bàn hiện nay (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) là : 301.460 người. Trong đó dân số khu vực nội thị là 120.931 người chiếm 37,36%.

Tỷ lệ tăng dân số hàng năm, đạt: năm 2012 là 2,62%; năm 2013 là 2,97%; năm 2014 là 3,1%. Trong đó tỉ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 0,83% năm 2012; 0,79% năm 2013; 0,78% năm 2014.

**2.2. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng của Huyện Tĩnh Gia.**

**2.2.1. Về hạ tầng xã hội.**

**a. Nhà ở.**

Tính đến cuối năm 2014 số lượng nhà ở kiên cố, bán kiên cố trong khu vực chiếm khoảng 69,66%, diện tích sàn bình quân đạt 16,16m<sup>2</sup>/người.

**b. Y tế.**

Theo thống kê của phòng y tế, năm 2014 toàn Huyện Tĩnh Gia có 441 giường bệnh với bình quân đạt 1,46 giường/1000 dân, riêng với khu vực nội thị thì tổng số giường bệnh là 320 đạt: 2,65 giường/1000 dân.

**c. Văn hóa- Thể dục thể thao.**

Trên địa bàn huyện Tĩnh Gia có 03 sân vận động cấp đô thị, 1 nhà thi đấu, 08 sân quần vợt, 22 sân cầu lông tại các nhà văn hóa; đa số các xã đều có sân bóng chuyền và sân bóng đá và 02 câu lạc bộ đã phần nào đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt TDTT của dân cư đô thị.

**d. Giáo dục, đào tạo.**

Đến nay, trên địa bàn huyện đã có 01 trường cao đẳng nghề, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên, 06 trường THPT (1 trường THCS & THPT), 35 trường THCS, 37 trường tiểu học, 34 trường mầm non, 01 trung tâm bồi dưỡng chính trị.

Tính đến cuối năm 2014, trên địa bàn đã có 38.415 học sinh với 2.333 giáo viên và 1.285 phòng học kiên cố và bán kiên cố, không còn tình trạng học 3 ca. Đến nay, 100% số xã có trung tâm giáo dục cộng đồng, góp phần thúc đẩy phong trào học tập của xã hội.

**e. Thương mại - dịch vụ - du lịch.**

Tổng doanh số bán lẻ hàng hoá và dịch vụ ước đạt 2.400 tỷ đồng, đạt 106% KH. Tính đến cuối năm 2014, trên địa bàn đã có 58 khách sạn, nhà nghỉ với những khách sạn có quy mô hàng trăm giường, tiếp đón hơn 220.000 lượt khách với khoảng 30.000 lượt khách quốc tế, tổng số ngày lưu trú bình quân đạt 2,3 ngày/khách, doanh thu từ hoạt động du lịch đạt 230 tỷ đồng tăng 9,5% so với cùng kỳ.

**2.2.2. Về hạ tầng kỹ thuật.**

**a. Giao thông đô thị.**

- *Giao thông đối ngoại:*

+ Đường bộ: Các dự án đầu tư xây dựng: Đường Nghi Sơn – Bãi Trành dài 56Km đã được đầu tư hoàn thành; tuyến đường ven biển nối đường 513 với tỉnh Nghệ An; Dự án nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn qua huyện Tĩnh Gia (dự án BOT).

+ Đường sắt: trên địa bàn huyện Tĩnh Gia có tuyến đường sắt quốc gia chạy qua, có ga Khoa Trường dự kiến nâng cấp mở rộng thành Ga trung tâm.

+ Đường thủy: Đã đầu tư hoàn thành đê chắn sóng cảng Nghi Sơn; Các Bến cảng số 1; số 2; số 3; số 4; số 5. Xây dựng cảng cá, Âu tránh trú bão Lạch Bạng; Xây dựng khu cảng của nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn và nạo vét luồng cho tàu 30.000 DWT ra vào cảng Nghi Sơn. Hiện nay, đang tiếp tục đầu tư các bến cảng của Nhà máy thép Nghi Sơn; bến cảng chuyên dụng Công Thanh; xây dựng đê chắn sóng; các Bến cảng chuyên dụng và Nạo vét luồng cho tàu ra vào khu cảng dự án Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

+ Đường hàng không : Tuyến đường bộ dài 65km đang gấp rút hoàn thiện, sớm đi vào hoạt động đảm bảo kết nối KKT Nghi Sơn với cảng hàng không Thọ Xuân được ngắn nhất, thuận tiện nhất.

- *Giao thông đối nội:*

+ Đường vào Nhà máy xi măng Công Thanh; Đường 513; Đường vào khu công nghiệp luyện kim; Đường vào Nhà máy giấy SunJade ; Đường Đông Tây 2; Đường Bắc Nam 3; Đường 2B; Đường Bắc Nam 1B; Đường Đông Tây 4;... đã được đầu tư hoàn thành đáp ứng yêu cầu của các Nhà đầu tư và giao thông trong khu vực.

+ Các dự án đang được tiếp tục triển khai xây dựng: Nâng cấp, mở rộng đường 513 ; Đường Bắc Nam 2; Đường Bắc Nam 1B; Đường Đông Tây 4 (đoạn từ QLô 1A đến đường cao tốc Bắc Nam); Đường vào bãi rác; Đường vào mỏ sét; Đường Đông Tây 4 (đoạn từ đường 513 đi Cảng Nghi Sơn) và Đường Đông Tây 1 (giai đoạn 1).

**b. Cấp điện, chiếu sáng đô thị.**

+ Nguồn điện: huyện Tĩnh Gia đang sử dụng mạng lưới điện Quốc Gia bao gồm: đường dây 500 KV Bắc Nam và đường dây 220 KV Thanh Hoá - Nghệ An. Hiện có trạm biến áp 220/110/22 KV- 250 MVA. Hiện nay đang tiếp tục đầu tư tăng phụ tải và hệ thống lưới điện, đáp ứng đủ nguồn điện cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của toàn huyện Tĩnh Gia .

+ Khu vực huyện Tĩnh Gia được Chính phủ quy hoạch phát triển thành một trung tâm nhiệt điện lớn với tổng công suất 2.100MW.

**c. Cấp nước đô thị.**

Dự án cấp nước thô từ hồ Yên Mỹ (phía Tây Huyện Tĩnh Gia) về hồ Đồng Chùa dẫn nâng cấp và chạy thử từ tháng 4/2014;

Dự án cấp nước sạch Bình Minh công suất 35.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Long Hải công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Nâng cấp nhà máy cấp nước sạch Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia lên công suất 2.800m<sup>3</sup>/ngày đêm đã được đầu tư hoàn thành, đảm bảo cấp nước cho nhân dân trong Huyện Tĩnh Gia.

**d. Vệ sinh môi trường.**

- Khu xử lý chất thải rắn: Nhà máy xử lý chất thải với quy mô 250 tấn/ngày tại xã Trường Lâm đã đi vào hoạt động đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn các khu công nghiệp và phục vụ nhu cầu của huyện Tĩnh Gia.

- Khu nghĩa trang: Dự án nghĩa trang nhân dân huyện Tĩnh Gia (giai đoạn 1) và các khu nghĩa trang cho các xã đã được đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng.

**e. Thông tin liên lạc, bưu điện.**

Hạ tầng mạng viễn thông- Công nghệ thông tin toàn huyện Tĩnh Gia đã được quy hoạch phát triển với các loại hình dịch vụ tiên tiến, băng thông rộng, tốc độ cao và công nghệ hiện đại.

**f. Công viên - cây xanh.**

Diện tích đất cây xanh trên toàn huyện hiện tại là 32.995.072 m<sup>2</sup> đạt chỉ tiêu diện tích cây xanh bình quân toàn đô thị là 109,46 m<sup>2</sup>/người (bao gồm Cây xanh trong khu dân cư; 20% diện tích đất công trình công cộng; 10% diện tích đường giao thông chính; Cây xanh trong các cơ sở sản xuất; 30% diện tích đồi núi).

Diện tích đất cây xanh công cộng khu vực nội thị hiện tại là 956.400 m<sup>2</sup>, đạt chỉ tiêu 8,49 m<sup>2</sup>/người.

**2.3. Tình hình phát triển đô thị của Huyện Tĩnh Gia.**

**2.3.1. Quy chế Quản lý Quy hoạch kiến trúc đô thị.**

Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được ban hành kịp thời để đáp ứng yêu cầu quản lý thực hiện theo quy hoạch. Tuy nhiên do tốc độ đô thị hóa diễn ra quá nhanh nên dẫn đến việc xây dựng phát triển đô thị vẫn chưa được thực hiện đầy đủ theo các quy chế được ban hành.

**2.3.2. Khu dân cư đô thị mới.**

Đã đầu tư hoàn chỉnh các dân cư mới, đồng bộ như Khu nhà ở cán bộ và công nhân nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và các khu tái định cư như Xuân Lâm - Nguyên Bình (giai đoạn 1; 2); Khu TĐC Mai Lâm; Khu tái định cư Trúc Lâm; khu tái định cư tại thôn Tiên Phong xã Hải Bình; khu tái định cư KCN Nghi Sơn.

Bên cạnh đó, đang đẩy nhanh tiến độ đầu tư các khu tái định cư: Xuân Lâm - Nguyên Bình (giai đoạn 3); Hải Bình; Tĩnh Hải 1 + 2; Tái định cư đường 513; Thôn Liên Sơn xã Hải Thượng.

### **2.3.3. Không gian công cộng đô thị.**

Hiện nay trên địa bàn đã có 04 không gian công cộng của đô thị được xây dựng đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của nhân dân và dự kiến số lượng sẽ tăng lên cùng với tốc độ phát triển của đô thị.

### **2.3.4. Công trình kiến trúc tiêu biểu.**

Hiện nay trên địa bàn chưa có công trình kiến trúc tiêu biểu được cơ quan có thẩm quyền, hội nghề nghiệp công nhận.

### **2.3.5. Tuyến phố văn minh đô thị.**

Các khu đô thị, khu tái định cư được đầu tư xây dựng đồng bộ, từng bước phát triển theo hướng một đô thị hiện đại, văn minh, hình thành một số tuyến phố kiến trúc hài hòa, tuân thủ các quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị.

### **2.3.6. Đánh giá chung.**

Huyện Tĩnh Gia tiếp tục phát triển theo hướng tích cực: mở rộng về quy mô, nâng cao về chất lượng, từng bước cụ thể hóa quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn. Hiện nay Thủ tướng Chính Phủ đã có quyết định 18/2015/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 về việc mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn bao gồm Toàn bộ huyện Tĩnh Gia và một phần huyện Nông Cống, Như Thanh. Đây là thời cơ, vận hội mới và cũng là thách thức về phát triển kinh tế - xã hội đối với lãnh đạo các cấp và nhân dân toàn huyện Tĩnh Gia nói riêng, tỉnh Thanh Hóa nói chung.

### **2.3.7. Tồn tại cần khắc phục.**

Huyện Tĩnh Gia đang dần hoàn thiện đô thị, bộ mặt đô thị thay đổi hàng ngày, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, mạnh kéo theo những tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới, như:

- Dân số tăng nhanh, các nhu cầu xã hội quá tải gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước và ảnh hưởng phần nào đến sản xuất và đời sống người dân.

- Sự chuyển đổi quá nhanh từ môi trường nông thôn thành môi trường thành thị dẫn đến nhận thức của một bộ phận cán bộ quản lý nhà nước và người dân còn chưa đáp ứng được với tốc độ phát triển. Những thói quen sinh hoạt, làm việc, lao động còn chưa phù hợp với môi trường thành thị.

- Kinh nghiệm quản lý, phát triển đô thị còn yếu kém; những đầu tư hạ tầng dàn trải, thiếu tập trung dẫn đến bộ mặt đô thị còn nhiều lộn xộn, bất cập.

## **3. TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ HUYỆN TĨNH GIA.**

### **3.1. Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị (đạt 14,42/15 điểm)**

Tiêu chuẩn này được xem xét đánh giá dựa trên các yếu tố: vị trí, tính chất và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đô thị.



**a. Tiêu chuẩn về vị trí và tính chất của đô thị (đạt 5/5 điểm)**

Theo Quy hoạch vùng Nam Thanh Hóa – Bắc Nghệ An (số 1447/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng chính phủ) thì Huyện Tĩnh Gia là đô thị động lực trung tâm vùng với tính chất chủ yếu là công nghiệp - thương mại dịch vụ - du lịch. Đạt điểm tối đa 5/5 điểm.

**b. Tiêu chuẩn kinh tế - xã hội (đạt 9,42/10 điểm)**

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2014 đạt 3085,20 tỷ đồng. Đạt tối đa: 2/2 điểm (Yêu cầu là:  $84 \div 120$  tỷ đồng).

- Cân đối thu chi ngân sách năm 2014: Cân đối dư. Đạt tối đa: 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu đạt điểm tối đa là: Cân đối dư).

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2014 đạt 44,2 triệu đồng/người, bằng 1,07 lần so với cả nước. Đạt 1,42/2 điểm (Yêu cầu từ 1,05 ÷ 1,5 lần).

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất đạt: 32,1%. Đạt tối đa 2/2 điểm (Yêu cầu từ 5,5 ÷ 6%).

- Tỷ lệ hộ nghèo trong khu vực nội thị là: 9,56%. Đạt tối đa 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu thấp nhất từ  $17 \div \leq 12\%$ ).

- Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (năm 2014) là: 3,10%. Đạt tối đa 1,0/1,0 điểm (Yêu cầu thấp nhất từ  $1,4 \div \geq 1,6\%$ ).

**3.2. Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số toàn đô thị (Đạt 8,80/10 điểm)**

- Quy mô dân số đô thị là 301.460 người bao gồm dân số thường trú là 254.548 người; dân số tạm trú quy đổi là 46.912 người. Đạt tối đa 2,0/2,0 điểm (Yêu cầu từ 150.000 ÷ 300.000 người).

- Dân số khu vực nội thị là 120.931 người bao gồm dân số thường trú 93.693 và dân số tạm trú sau khi quy đổi là 27.238 người. Đạt tối đa 4,0/4,0 điểm (Yêu cầu từ 60.000 ÷  $\geq 120.000$  người).

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40,12%. Đạt 2,80/4,0 điểm (Yêu cầu từ 40 - 70%).

**3.3. Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số đô thị (Đạt 0/5 điểm).**

Mật độ dân số khu vực nội thị là: 5981 người/km<sup>2</sup>. Đạt 0,0/5,0 điểm (Yêu cầu từ 6000 đến trên 8.000 người/km<sup>2</sup>).

**3.4. Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (Đạt 3,98/5 điểm)**

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt: 76,62%. Đạt: 3,98/5 điểm (Yêu cầu từ 75% đến trên 80%).

**3.5. Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị (Đạt 43,11/55 điểm)**

**a) Tiêu chuẩn về nhà ở (Đạt 9,27/10 điểm).**

- Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực nội thị là 16,16 (m<sup>2</sup> sàn/người). Đạt tối đa 5/5 điểm (Yêu cầu từ 12 đến trên 15 m<sup>2</sup> sàn/người).

Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa, đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

- Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị là 65,11%. Đạt 4,27/5 điểm (Yêu cầu từ 60 đến trên 70%).

b) Tiêu chuẩn về công trình công cộng cấp đô thị (Đạt 7,97/10 điểm)

- Đất công trình công cộng cấp khu ở khu vực nội thị là 1,52 m<sup>2</sup>/người. Đạt tối đa 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu từ 1 đến trên 1,5 m<sup>2</sup>/người).

- Chỉ tiêu đất dân dụng khu vực nội thị là 145,12 m<sup>2</sup>/người. Đạt tối đa 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu từ 61 đến trên 78 m<sup>2</sup>/người).

- Bình quân diện tích đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị là: 3,14m<sup>2</sup>/người. Đạt 1,07/1,5 điểm (Yêu cầu từ 3 đến trên 4 m<sup>2</sup>/người).

- Bình quân số giường bệnh phục vụ dân cư khu vực nội thị là 2,65 giường/1000 người. Đạt tối đa 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu từ 1,5-2 giường/1000 người).

- Trên địa bàn có 02 cơ sở giáo dục đào tạo. Đạt 0,0/1,0 điểm (Yêu cầu từ 4 đến trên 10 cơ sở).

- Trên địa bàn có 7 công trình nhà văn hóa (nhà văn hóa xã, thị trấn, trung tâm văn hóa huyện). Đạt tối đa 1,0/1,0 điểm (Yêu cầu từ 4 đến trên 6 công trình).

- Về thể dục thể thao, trên địa bàn khu vực nội thị có 03 sân vận động. Đạt 0,7/1,0 điểm (Yêu cầu từ 3 đến trên 5 công trình).

- Trên địa bàn có 4 công trình chợ, trung tâm thương mại. Đạt 0,7/1,0 điểm (Yêu cầu từ 4 đến trên 7 công trình).

c) Tiêu chuẩn về hệ thống giao thông (Đạt 8,49/10 điểm).

- Huyện Tĩnh Gia là đầu mối giao thông đường thủy cấp vùng nằm ở phía Nam của tỉnh Thanh Hoá. Đạt tối đa 2,0/2,0 điểm.

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng trong khu vực nội thị là 15,72%. Đạt 1,67/2,0 điểm (Yêu cầu từ 13 đến trên 19%).

- Mật độ đường chính trong khu vực nội thị là 7,09 km/km<sup>2</sup>. Đạt 1,42/2,0 điểm (Yêu cầu từ 7 đến trên 10 km/km<sup>2</sup>).

- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng đạt: 6%. Đạt 1,4/2,0 điểm (Yêu cầu từ 6 đến trên 10%).

- Diện tích đất giao thông/ dân số khu vực nội thị là: 26,28 m<sup>2</sup>/người. Đạt tối đa 2,0/2,0 điểm (Yêu cầu từ 9 đến trên 11 m<sup>2</sup>/người).

d) Tiêu chuẩn về cấp nước (Đạt 3,16/5 điểm).

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt KV nội thị là 104,40 (lít/người/ngày, đêm). Đạt 1,66/2,0 điểm (Yêu cầu từ 100 đến trên 110 lít/người/ngày, đêm).

- Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch là 60,90%. Đạt 0,0/1,5 điểm (Yêu cầu từ 65 đến trên 75%).

- Tỷ lệ thất thoát nước là 22,79%. Đạt tối đa 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu từ 30 đến dưới 25%).

Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa, đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

e) Tiêu chuẩn về thoát nước (Đạt 5,01/6,0 điểm).

- Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị là 3,51 km/km<sup>2</sup>. Đạt 1,41/2,0 điểm (Yêu cầu từ 3,5 đến trên 4 km/km<sup>2</sup>).

- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt 40%. Đạt 1,60/2,0 điểm (Yêu cầu từ 35 đến trên 50%).

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải đạt 100%. Đạt tối đa 2,0/2,0 điểm (Yêu cầu từ 60 đến 80%).

g) Tiêu chuẩn về hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng (Đạt 2,21/4 điểm)

- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt KV nội thị đạt 511,06 kwh/ng/năm. Đạt 1,43/2,0 điểm (Yêu cầu từ 500 đến trên 700 kwh/ng/năm).

- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 60,65%. Đạt 0/1 điểm (Yêu cầu từ 95 đến trên 100%).

- Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng đạt: 61,11%. Đạt 0,77/1,0 điểm (Yêu cầu từ 55 đến 80%).

h) Tiêu chuẩn về hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông (Đạt 2,0/2,0 điểm)

Số thuê bao điện thoại bình quân/ số dân khu nội thị năm 2014 là 48,18 máy/100 dân. Đạt tối đa 2,0/2,0 điểm (Yêu cầu từ 8 đến 14 máy/100 dân).

i) Tiêu chuẩn về cây xanh, xử lý chất thải và nhà tang lễ (Đạt 5,0/8 điểm)

- Trung bình diện tích đất cây xanh toàn huyện Tĩnh Gia là 109,42 m<sup>2</sup>/người. Đạt tối đa 1,0/1,0 điểm (Yêu cầu từ 7 đến trên 10 m<sup>2</sup>/người).

- Trung bình diện tích đất cây xanh công cộng khu vực nội thị là 7,91 m<sup>2</sup>/người. Đạt tối đa 2,0/2,0 điểm (Yêu cầu từ 4 đến trên 5 m<sup>2</sup>/người).

- Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom: 67,46%. Đạt 0,0/2,0 điểm. (Yêu cầu từ 80 đến trên 90%).

- Tỷ lệ chất thải rắn KV nội thị được xử lý, chôn lấp hợp vệ sinh đạt 90%. Đạt tối đa 2,0/2,0 điểm (Yêu cầu từ 70 đến trên 80%).

- Đô thị có 1 nhà tang lễ tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tĩnh Gia. Đạt 0,0/2,0 điểm. (Yêu cầu từ 2 đến trên 3 nhà tang lễ).

**3.6. Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc, cảnh quan đô thị (Đạt 7,5/10 điểm).**

a) Tiêu chuẩn về quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (Đạt 1,4/2,0 điểm).

Trên địa bàn có 08 khu vực quy hoạch có Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị tuy nhiên các quy chế thực hiện chưa đạt. Đạt 1,4/2,0 điểm.

b) Tiêu chuẩn về khu đô thị mới (Đạt 2,0/2,0 điểm).

Đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa, đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

- Trên địa bàn có các khu Đô thị và tái định cư đã đầu tư xây dựng đồng bộ. Đạt 1,0/1,0 điểm. (Yêu cầu là Có khu ĐTM đã được xây dựng đồng bộ).

- Khu cải tạo chỉnh trang đô thị (khu): có 02 khu cải tạo chỉnh trang đô thị. Đạt 1,0/1,0 điểm (Yêu cầu là có 1 đến hơn 2 khu được cải tạo, chỉnh trang).

c) Tiêu chuẩn về tuyến phố văn minh đô thị (Đạt 1,4/2 điểm).

Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính khu vực nội thị là 20%. Đạt 1,4/2,0 điểm (Yêu cầu từ 20 đến trên 40%).

d) Tiêu chuẩn về không gian công cộng (Đạt 1,7/2 điểm).

- Số lượng không gian công cộng cấp đô thị : 4 khu (Biểu 16– Phụ lục 2). Đạt 1,7/2,0 điểm (Yêu cầu từ 3 đến trên 5khu).

e) Tiêu chuẩn về công trình kiến trúc tiêu biểu (Đạt 1,0/2 điểm).

- Trên địa bàn có các di tích lịch sử xếp hạng cấp Quốc gia và xếp hạng cấp Tỉnh. Đạt 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ các DSVHLS tiêu biểu, kiến trúc cấp quốc gia được trùng tu, tôn tạo đạt: 30%. Đạt 0,0/1,0 điểm (Yêu cầu từ 35 đến 45%).

**Tổng số điểm đạt được là : 77,81 điểm/100 điểm.**

(Chi tiết như phụ lục Bảng biểu đính kèm).

#### **4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.**

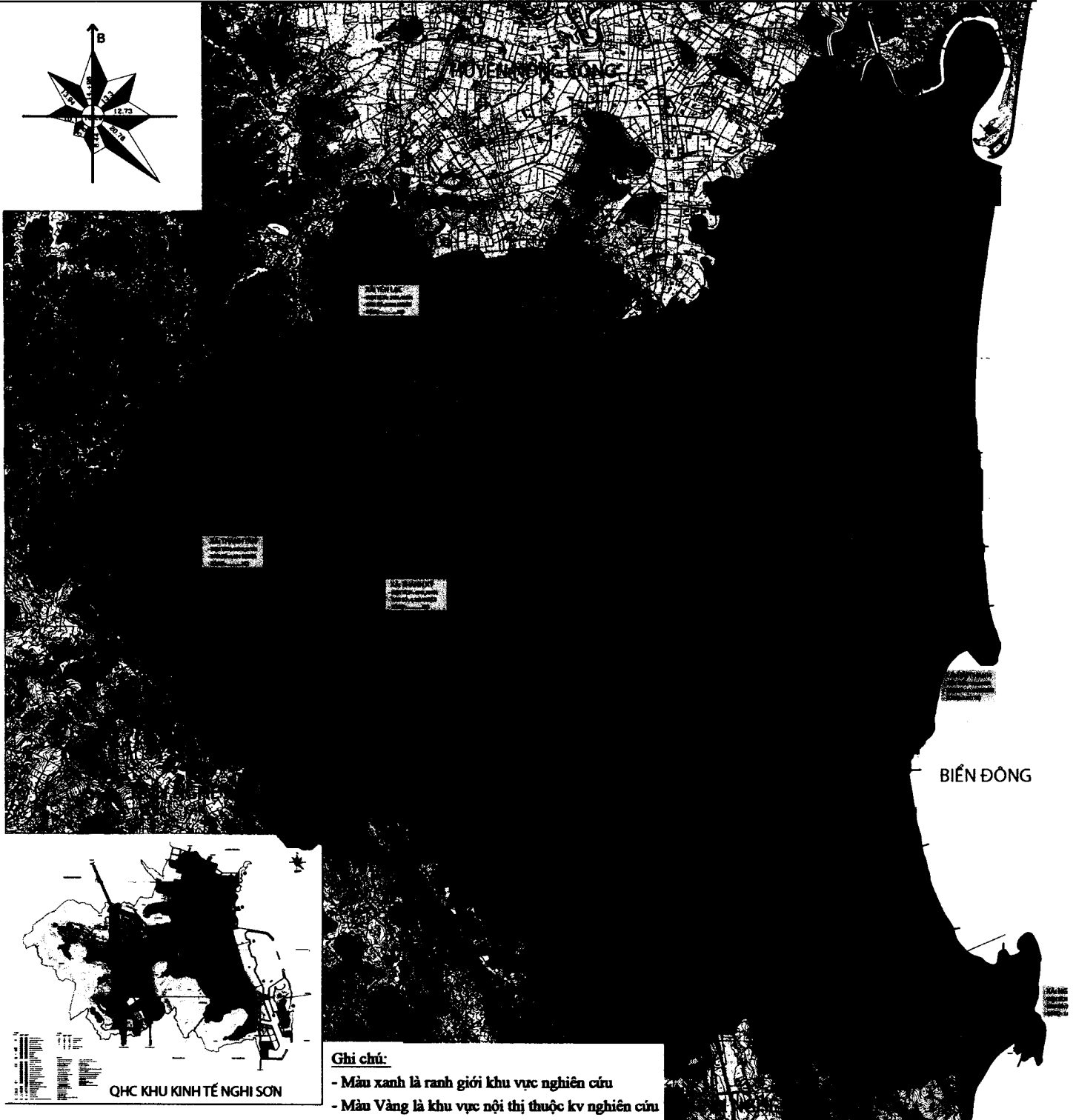
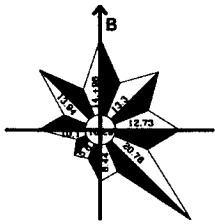
Đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/05/2009 của Chính phủ và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/09/2009 của Bộ Xây dựng; Huyện Tĩnh Gia đã đạt được các tiêu chuẩn của đô thị loại III với số điểm tự đánh giá là: **77,81 điểm/100 điểm**. Trong thời gian tới, song song với phát triển kinh tế - xã hội, Huyện Tĩnh Gia cần tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị trong đó có các công trình chiếu sáng đô thị, các cơ sở giáo dục, thành lập được các doanh nghiệp dịch vụ công ích về môi trường, thu gom và xử lý chất thải, tiếp tục quan tâm trùng tu tôn tạo các di sản văn hóa lịch sử, kiến trúc, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III.

Với truyền thống đoàn kết, gắn bó, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách, cùng với các thành tựu đã đạt được trong những năm qua, tin tưởng rằng Huyện Tĩnh Gia sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới khi đạt được tiêu chuẩn đô thị loại III và hướng tới trở thành Thị xã, Thành phố trực thuộc tỉnh. Đây cũng là nguồn động viên to lớn đối với Đảng bộ, nhân dân trong việc góp phần xây dựng và phát triển Huyện Tĩnh Gia ngày càng hiện đại, văn minh và giàu đẹp./.

Phụ lục: Ranh giới khu vực nghiên cứu:

**ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**

**HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI III**



**Ghi chú:**

- Màu xanh là ranh giới khu vực nghiên cứu
- Màu Vàng là khu vực nội thị thuộc kv nghiên cứu

**BẢN ĐỒ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN TĨNH GIA**